

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Mạnh và bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Đinh Văn N, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Anh N vắng mặt, chị H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc với Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Đinh Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã M, huyện B, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/9/1993. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị sống tại thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N có tính ham chơi, thường xuyên uống rượu, đánh bạc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị và

gia đình hai bên đã nhiều lần góp ý nhưng anh N không thay đổi. Tuy anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Năm 2020 chị nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn nhưng sau đó chị lại rút đơn đề vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Đinh Thị My L, sinh ngày 12/5/1995; Đinh Văn D, sinh ngày 28/02/1997; Đinh Thị Diệu L1, sinh ngày 30/3/2004 và Đinh Tuấn A, sinh ngày 16/7/2007. Đối với cháu L và cháu D đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu L1 và Tuấn A hiện tại còn nhỏ, chị có nguyện vọng được nuôi cả 2 con, chị tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện chị đang làm nghề tự do, thu nhập trung bình khoảng 07 triệu đồng một tháng và có nhà ở kiên cố, rộng rãi, đảm bảo đủ điều kiện sinh hoạt, học tập cho các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Văn N: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh N đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai: Anh N trình bày đã được Tòa án thông báo về việc chị H xin ly hôn, tuy nhiên anh không có quan điểm gì đối với yêu cầu xin ly hôn mà sẽ có đơn gửi Tòa án sau, ngoài ra anh không trình bày gì khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N; được nuôi dưỡng 2 con chung dưới 18 tuổi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H; xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đinh Văn N. Giao cho chị Nguyễn Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đinh Thị Diệu Linh và Đinh Tuấn Anh đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của

chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh N đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị H đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các Điều 207, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nơi sinh sống của anh N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1993, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa anh N và chị H là hợp pháp.

Do mâu thuẫn, chị H và anh N đã sống ly thân từ năm 2018, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng anh N sống ở nhà dưới còn chị H sống ở nhà trên, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Cháu Đinh Thị Diệu Linh và cháu Đinh Tuấn Anh là các con chung đang sống cùng nhà với chị H, anh N đều xác định: bố mẹ các cháu trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bố thường chửi mắng và đánh mẹ. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh đối với Trưởng thôn Nhuận Đông và Chi Hội trưởng Chi Hội phụ nữ thôn Nhuận Đông - nơi anh N, chị H sinh sống, cả hai đều xác định: anh N, chị H trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn đã phát sinh từ lâu, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, có những lần vợ chồng căng thẳng, xô xát đến mức phải có sự can thiệp của chính quyền địa phương. Bản thân chị H cũng đã 1 lần nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, sau đó chị lại rút đơn đề vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Lần này, do mâu thuẫn trầm trọng chị H tiếp tục khởi kiện xin ly hôn, anh N đã được biết việc Tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn của chị H nhưng anh không trình bày quan điểm, không làm

việc theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa ... điều đó chứng tỏ anh N không có nguyện vọng cùng chị H khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau... như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ năm 2018 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H ly hôn anh N.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Đinh Thị My L, sinh ngày 12/5/1995; Đinh Văn D, sinh ngày 28/02/1997; Đinh Thị Diệu L1, sinh ngày 30/3/2004 và Đinh Tuấn A, sinh ngày 16/7/2007. Cháu L và cháu D đã trên 18 tuổi, trưởng thành, hiện đang lao động ở nước ngoài, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu L1 và cháu Tuấn A (hiện đang ở cùng chị H, anh N), chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H có thu nhập ổn định, có nhà cửa kiên cố, rộng rãi, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Cháu L1 và cháu Tuấn A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đinh Thị Diệu L1 và Đinh Tuấn A đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đinh Văn N.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Đinh Thị Diệu L1, sinh ngày 30/3/2004 và Đinh Tuấn A, sinh ngày 16/7/2007 (hiện các con đang ở với anh N, chị H) kể từ khi ly hôn đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Đinh Văn N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2018/0005872 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương; chị H đã nộp đủ án phí.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã M, huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thanh Nam